

Số: 199/2019/QĐST-HNGĐ

Hồng Bàng, ngày 26 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 240/2019/TLST-VHNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị NTH, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà 14, đường A, phường B, quận C, Hải Phòng.

Anh HTN, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà 14, đường A, phường B, quận C, Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị NTH và anh HTN xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, quận C, Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số: 03, quyển số: 01, ngày 17/01/2001). Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do không hợp nhau về tính cách và bất đồng với nhau về quan điểm sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị NTH và anh HTN đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có hai con chung là E, sinh ngày 09/10/2003 và F, sinh ngày 17/6/2013. Chị NTH và anh HTN thỏa thuận mỗi người nuôi một con, cụ thể: Anh HTN trực tiếp nuôi con là E và chị NTH trực tiếp nuôi con là F. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn do chị NTH và anh HTN tự thỏa thuận và tự giao cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản: Chị NTH và anh HTN tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 18/9/2019 là tự

nguyên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; công nhận chị NTH và anh HTN thuận tình ly hôn.

[5] Về lệ phí dân sự: Chị NTH và anh HTN đều phải chịu mỗi người 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị NTH và anh HTN thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có hai con là E, sinh ngày 09/10/2003 và F, sinh ngày 17/6/2013. Chị NTH và anh HTN thỏa thuận: Anh HTN trực tiếp nuôi con là E và chị NTH trực tiếp nuôi con là F. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn do chị NTH và anh HTN tự thỏa thuận và tự giao cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

- Về tài sản: Chị NTH và anh HTN tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị NTH và anh HTN mỗi người phải chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: AA/2014, số: 0008327 ngày 28/8/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị NTH và anh HTN đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường D, quận C;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Kiên